

Bản án số: **228/2017/HSPT**
Ngày: 08/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Đào

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Thăng

Ông Trần Thanh Tùng.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Thế Mạnh – CBTA.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Xuân Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở TAND tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 107/HSPT ngày 05/5/2017 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án số 111/2017/HSST ngày 22/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Mai Hữu T, sinh năm: 1973 tại Đồng Nai;

HKTT: 65/4, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: Lớp 8/12;

Con ông Mai Hữu C, sinh năm 1944 (đã chết) và bà Trần Thị S, sinh năm 1944.

Gia đình có 10 anh, chị, em, bị cáo là con thứ sáu trong gia đình;

Có vợ tên Mai Thị Hoàng Y, sinh năm 1977 và hai con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2005.

Tiền án: Ngày 17/5/2012 bị TAND thành phố Biên Hòa xử phạt 02 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" (chưa chấp hành xong bản án).

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/9/2016 cho đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Thanh T1 (Ct), sinh năm: 1991 tại Đồng Nai;

HKTT: 16/86, khu phố 7, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Bảo vệ. Trình độ học vấn: Lớp 9/12;

Con ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm: 1966 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1962.

Gia đình có 03 anh, chị, em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ, con: Không có.

Tiền án: Ngày 14/4/2015 bị TAND thành phố Biên Hòa xử phạt 07 tháng tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" (chưa chấp hành xong bản án); Ngày 10/12/2015 bị TAND thành phố Biên Hòa xử phạt 08 tháng tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" (chưa chấp hành xong bản án).

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/12/2011 bị TAND tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Tổ chức đánh bạc", thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng (đã chấp hành xong bản án); Ngày 04/11/2011 bị Công an thành phố Biên Hòa xử phạt 3.500.000đ về hành vi "Hủy hoại tài sản của người khác"

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/9/2016 cho đến nay (có mặt).

3. Trần Thanh T2 (T2 Lác), sinh năm: 1992 tại Đồng Nai;

HKTT: 22B/46, khu phố 7, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: Lớp 7/12;

Con ông Trần Khánh T3, sinh năm: 1970 và bà Khổng Thị T4, sinh năm: 1971.

Gia đình có 04 anh, chị, em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ, con: Không.

Tiền án: Ngày 06/12/2011 bị TAND thành phố Biên Hòa xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (chưa chấp hành xong bản án); Ngày 28/8/2014 bị TAND thành phố Biên Hòa xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (chưa chấp hành xong bản án)

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/9/2016 cho đến nay (có mặt).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại nhưng do không có kháng cáo nên Tòa án không triệu tập)

NHẬN THẤY

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 8/2016, chị Nguyễn Thị Hồng D cho người quen tên B ở tại địa chỉ: khu phố 6, phường T5, thành phố B, tỉnh Đồng Nai mượn chiếc xe mô tô hiệu Nouvo, biển số 52Y2-9188, nhưng sau đó B không trả nên chị D nhờ Mai Hữu T gặp B đòi xe thì chị D cho T 1.000.000đ. T đã gặp B nói chuyện và B trả lại chiếc xe cho chị D nhưng sau đó chị D không đưa tiền cho T. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 24/9/2016, phát hiện chị D đang ở khu phố 4, phường T6, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, T rủ Nguyễn Thanh T1 và Trần Thanh T2 đưa chị D về phòng trọ của T ở địa chỉ 48/18, khu phố 5, phường T6, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để yêu cầu chị D phải trả số tiền 1.000.000đ thì T1 và T2 đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 60B1-410.87 chở T1, T2 đến chỗ chị D, yêu cầu chị D lên xe mô tô biển số 60B1-410.87 để chở về phòng trọ của T. Tại đây, T yêu cầu chị D trả tiền, sau đó T tăng thêm 2.000.000đ là tiền phạt, tổng cộng là 3.000.000đ. Chị D nói không có tiền thì T dùng tay tát vào mặt chị D 02 đến 03 cái và hù dọa sẽ treo chị D lên để đánh. T1 dùng tay tát 02 cái vào mặt chị D và T2 dùng dép dọa đánh chị D. Do sợ hãi nên chị D xin T cho về nhà người quen lấy tiền trả cho T thì T đồng ý và để T1 dùng xe mô tô biển số 60B1-410.87 chở chị D về. Trên đường đi do hết xăng nên T1 vào trạm xăng dầu ND ở địa chỉ 230B, Nguyễn Ái Q, phường T7, thành phố B, tỉnh Đồng Nai bắt chị D phải trả tiền đổ xăng nhưng chị D không có tiền nên T1 tát chị D 02 cái vào đầu rồi buộc chị D phải cầm chiếc điện thoại di động hiệu Nokia C2-00 cho ông Đỗ Văn C là nhân viên bán xăng để trả 30.000đ tiền xăng rồi tiếp tục chở chị D đi về nhà người quen tên T7 để lấy tiền. Khi đến đầu hẻm nhà chị Trang thì chị D đi bộ vào còn T1 đợi ở ngoài. Lợi dụng lúc T1 không để ý thì chị D bỏ trốn. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, chị D đến nhà trọ của T để đưa 1.000.000đ thì bị Công an thành phố Biên Hòa bắt quả tang.

Căn cứ theo lời khai của bị cáo T1, bị cáo T2, chị H, anh K, chị D và các tài liệu khác đã có đủ cơ sở để xác định bị cáo T là người rủ rê và cùng với T1, T2 đánh, uy hiếp chị D để chiếm đoạt tài sản.

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô hiệu Sirius, biển số 60B1-410.87 là phương tiện các bị cáo sử dụng để phạm tội. Xác định được chiếc xe là của anh Mai Thanh N, sinh năm 1987, ngụ tại 217/3, khu phố 8B, phường T5, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cho

chị Mai Thị H mượn sử dụng và không biết chị H đã cho T mượn sử dụng vào việc phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh N.

- 01 điện thoại di động C2-00 Nokia và số tiền 1.000.000đ, cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho chị D.

Tại bản án sơ thẩm số 111/2017/HSST ngày 22/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tuyên bố các bị cáo Mai Hữu T, Nguyễn Thanh T1, Trần Thanh T2 phạm tội "Cướp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 53, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mai Hữu T 04 (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/9/2016.

- Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 53, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T1 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/9/2016.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 133, điểm p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thanh T2 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/9/2016.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/3/2017, bị cáo Mai Hữu T và bị cáo Trần Thanh T2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 04/4/2017, bị cáo Nguyễn Thanh T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Hành vi dùng vũ lực của các bị cáo đối với người bị hại là chị D là có kéo dài về mặt thời gian, không làm cho chị D tê liệt ý chí kháng cự. Từ khi các bị cáo dùng vũ lực đe dọa chị D cho đến khi chị D giao tài sản cho các bị cáo thì chị D hoàn toàn có đủ điều kiện chuẩn bị đối phó và có đủ thời gian để trình báo cơ quan chức năng. Vì vậy hành vi do các bị cáo thực hiện có đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại Điều 135 Bộ luật hình sự chứ không phải tội “Cướp tài sản” quy định tại Điều 133 Bộ luật hình sự như cấp sơ truy tố, xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248 và điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm số 111/2017/HSST ngày 22/3/2017 của TAND TP.Biên Hòa theo hướng xét xử các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại Điều 135 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo;

XÉT THẤY

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 24/9/2016, Mai Hữu T, Trần Thanh T2 và Nguyễn Thanh T1 đã có hành vi ép buộc đưa chị Nguyễn Thị Hồng D về phòng trọ của T. Tại đây, T dùng tay tát vào mặt chị D 02 đến 03 cái và hù dọa sẽ treo chị D lên để đánh. T1 dùng tay tát 02 cái vào mặt chị D và T2 dùng dép dọa đánh chị D, yêu cầu chị D phải trả cho T số tiền 3.000.000đ. Do sợ hãi nên chị D xin T cho về nhà người quen lấy tiền trả cho T thì T đồng ý. Sau đó chị D đến nhà trọ của T để đưa 1.000.000đ, như vậy việc các bị cáo dùng vũ lực và uy hiếp tinh thần của bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản nên hành vi nêu trên của các bị cáo đã cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 133 Bộ luật hình sự, cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 133 Bộ luật hình sự là không chính xác, không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Vì vậy cần sửa tội danh và giảm hình phạt cho các bị cáo là có cơ sở.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản người khác, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương nên cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra nhằm giáo dục răn đe và phòng ngừa chung.

Cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định khoản 1, 2 Điều 46 BLHS cho các bị cáo, do các bị cáo không có tình giảm nhẹ mới để giảm mức hình phạt. Tuy nhiên, do cấp sơ thẩm nhận định các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và áp dụng tình tiết được quy định tại điểm b khoản 1 là chính xác, còn áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 là chưa đúng quy định pháp luật áp dụng và áp dụng đối với bị cáo T2 thêm Điều 47 Bộ luật hình sự là chưa chính xác, áp dụng tội danh không đúng và xét xử các bị cáo mức hình phạt như trên là chưa phù hợp. Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa án sơ thẩm về tội danh, điều luật áp dụng và giảm mức án của các bị cáo để đúng với tính chất, mức độ tội phạm mà khung hình phạt của điều luật đã quy định.

Kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí HSPT.

Vì các lý do trên;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 và điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Hữu T, Nguyễn Thanh T1, Trần Thanh T2. Sửa bản án sơ thẩm số 111/2017/HSST ngày 22/3/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa.

Áp dụng khoản 1 Điều 135, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự: Xử phạt:

Bị cáo Mai Hữu T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/9/2016.

Bị cáo Nguyễn Thanh T1 (Chết to) 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/9/2016.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 135, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự: Xử phạt:

Bị cáo Trần Thanh T2 (T2 lác) 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/9/2016.

Các bị cáo đều bị xử phạt về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐN - VKSND TP.BH (2);
- TAND TP. BH (1);
- B5 - CA TPBH (2);
- Bị cáo (3);
- THADS TP.BH (1);
- PV 27 (1);
- Lưu (5).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Xuân Đào